

## GIÁO DỤC VÀ NÂNG CAO DÂN TRÍ CỦA NGƯỜI HMÔNG HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

PHAN THỊ ĐÉM

**G**IAO dục và đào tạo là vấn đề luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay - giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng ta đặt giáo dục và đào tạo ở vị trí quốc sách hàng đầu. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng nêu rõ :

"Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục nhân lực, bồi dưỡng nhân tài" (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII.- H, NXB Chính trị Quốc gia, 1996.- tr.107).

Đối với vùng sâu, vùng xa, đặc biệt đối với vùng dân tộc thiểu số, để thực hiện mục tiêu lớn của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc "... Đối với miền núi và các dân tộc thiểu số, yêu cầu phải ra khỏi lạc hậu, nghèo nàn". ... thì vấn đề giáo dục càng trở nên cấp thiết. Đời sống kinh tế, trình độ văn hoá của đồng bào dân tộc thiểu số ở các vùng cao, vùng sâu, vùng xa hiện nay còn gặp rất nhiều khó khăn. Để phát triển bền vững tộc người ở vùng cao, nhiều vấn đề đặt ra cần được giải quyết.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ muốn đề cập đến một vài ý kiến về thực trạng giáo dục của đồng bào Hmông huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai qua khảo sát điều tra thực tế ở địa phương và bước đầu có một số đề xuất để nhằm thực hiện xoá mù và nâng cao dân trí cho đồng bào của vùng, tạo cơ sở cho việc xoá đói, giảm nghèo và từng bước phát triển tộc người ở vùng cao.

Bắc Hà là một huyện vùng cao của tỉnh Lào Cai. Bắc Hà nằm trọn trong lưu vực vùng đầu nguồn sông Chảy, gồm 33 xã và 1 thị trấn. Có 3 xã giáp với Trung Quốc, chiều dài biên giới 12,5 km. Tổng diện tích của huyện là : 91.900 ha. Tổng số cư dân là 62.692 người (thời điểm 12/1993).

### I. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ DÂN TRÍ NGƯỜI HMÔNG BẮC HÀ LÀO CAI

Dân trí là vấn đề quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội ở vùng cao, dân trí trở thành một động lực quyết định đối với vấn đề phát triển kinh tế - xã hội. Trong công cuộc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nhằm xoá đói giảm nghèo, biến nền sản xuất tự túc, tự cấp thành tiền sản

xuất hàng hoá, vấn đề đặt ra phải nâng cao trình độ dân trí, đào tạo người lao động (nguồn nhân lực) có kỹ thuật, có trí tuệ. Đặc biệt đối với vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số hiện nay vấn đề này là cực kỳ cấp thiết.

Bắc Hà - huyện có tỷ lệ dân tộc Hmông cao nhất cả nước. Đời sống văn hoá kém phát triển, ngay cả đội ngũ cán bộ cơ sở xã có trình độ học vấn còn quá thấp.

Số cán bộ mù chữ chiếm 5% ; Số cán bộ có trình độ lớp 1, 2, 3 chiếm đến 60% ; Cán bộ có trình độ lớp 4, lớp 5 chỉ có 25% ;

Còn cấp 2 có 7%, cấp 3 chỉ có 3%.

Thực trạng trình độ dân trí của người Hmông Bắc Hà còn rất thấp. Họ là một trong hai dân tộc có tỷ lệ người dân từ 5 tuổi trở lên chưa bao giờ đến trường cao nhất tỉnh Lào Cai.

Số người dân từ 5 tuổi trở lên chưa hề đến trường học của dân tộc Hà Nhì là 96,42% (trong đó nữ có 99,23%) và Hmông là 92,16% (trong đó nữ chiếm 98,06%). Huyện Bắc Hà tỷ lệ người Hmông ở độ tuổi này chưa đến lớp chiếm 82,8% (trong đó tỷ lệ nữ chiếm 89,4%).

Số học sinh lưu ban, bỏ học chiếm tỷ lệ khá cao, tỷ lệ bình quân số học sinh theo học chỉ có 10 đến 26% so với độ tuổi đi học từ 6 đến 14 tuổi (xem biểu số 1 dưới đây).

**Biểu số 1 : Tỷ lệ học sinh so với tỷ lệ trẻ em từ 6 - 14 tuổi năm học 1995 - 1996**

Số xã điều tra	Dân số (người)	Tổng số trẻ em từ 6 - 14 tuổi	Tổng số học sinh	Tỷ lệ đi học %
Thải Giàng Phố	2843	761	80	10,5
Nàn Sán	1665	458	71	12,28
Lầu Thi Ngòi	1481	405	105	25,73
Lử Thẩn	1353	397	84	26,03
Mản Thẩn	1593	461	120	23,75
Lùng Cải	1974	501	119	23,09
Lùng Sui	1819	498	115	

Đặc biệt số học sinh vào đầu cấp 1 tuy có đông, nhưng số học sinh theo học hết cấp 1 chỉ còn 5% đến 16%. Càng học lên lớp cao, học sinh Hmông bỏ học càng nhiều. Năm học 1990 - 1991 số học sinh Hmông Bắc Hà theo học là 601 học sinh, nhưng năm học 1995 - 1996

chỉ còn 59 em học sinh lớp 5. Số nữ học sinh theo học càng ít. Năm học 1990 - 1991 có 140 em nữ theo học lớp 1 đến cuối cấp chỉ còn 9 em, số học sinh người Hmông học cuối cấp I rất ít dẫn đến tình trạng 50% số trường cấp I ở Bắc Hà không có học sinh lớp 5. Người

Hmông theo học chương trình 120 tuần ở các trường đều không có một sinh nào đạt loại giỏi, dẫn đến tình trạng phổ cập cấp I rất khó khăn. Toàn huyện Bắc Hà chưa có một xã nào có đông người Hmông đạt tiêu chuẩn phổ cập cấp I. Trong số 34 xã, thị trấn, có tới 23 xã mức huy động học sinh ra lớp học rất thấp.

Trong số học sinh đi học, tỷ lệ học sinh nữ rất thấp. Càng học lên lớp trên

tỷ lệ học sinh nữ càng ít, đặc biệt trong tổng số 192 lớp học chương trình 120 tuần của cả huyện Bắc Hà (năm học 1995 - 1996), có tới 79 lớp không có học sinh nữ. Toàn huyện có 15 lớp 5 với tổng số 139 học sinh theo chương trình 120 tuần thì chỉ có 5 lớp có học sinh nữ với số lượng là 14 em. Điều tra 6 trường học người Hmông, nhận thấy số học sinh nữ đi học rất ít (xem biểu số 2).

**Biểu số 2 : Số học sinh nữ Hmông tham gia học ở các trường 100% học sinh Hmông**

Tên trường	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	T.số	Nữ	T.số	Nữ	T.số	Nữ	T.số	Nữ	T.số	Nữ
Nàn Sín	40	8	20	0	0	0	10	0	0	0
Lùng Sui	75	20	27	2	18	0	10	0	0	0
Cán Cầu	50	12	50	11	49	8	16	0	0	0
Mản Thần	50	2	45	0	15	0	10	0	0	0
Hoàng Thu Phố	53	5	19	0	13	0	10	0	5	0
Quan Thần Sán	22	7	19	0	14	2	9	0	8	0

Sự nghiệp giáo dục huyện Bắc Hà đã trải qua hơn 40 năm (sau ngày hoà bình lập lại), đã có một số thành tích đóng góp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương nhằm từng bước nâng cao dân trí vùng cao, trong đó đặc biệt là người Hmông, nhưng thực tế phát triển chậm. Trước năm 1993 nhiều trường không ổn định, kết quả bấp bênh, Bắc Hà có 34 xã thì 28 xã có trường lớp, 6 xã trắng không có trường lớp vì không có giáo viên. Năm 1993 có 61% số trường mới có đến lớp 3.

Đến năm 1995 - 1996 số xã có trường lớp là 34/34. Toàn huyện có 26 trường bán trú với tổng số học sinh bán trú là 925 học sinh. Sở giáo dục đã cho tổ chức các lớp ghép, số lớp ghép có ở 13 xã với 15, tổng số học sinh là 372 em (phần đông là học sinh Hmông).

Năm học 1995 - 1996 số học sinh trong độ tuổi đến lớp có tăng hơn so với các năm học trước nhưng tỷ lệ cũng mới chỉ có hơn 50% (xem biểu 3 dưới đây).

**Biểu số 3 : Số lượng học sinh qua các năm học  
(từ 1990 - 1996)**

Năm học	Số học sinh đến lớp	Tỷ lệ % với độ tuổi	Số xã có trường	Tỷ lệ %
90 - 91	3068	25%	27/33	81,8%
91 - 92	3309	31%	27/33	81,8
92 - 93	3970	37%	30/33	90,9
93 - 94	4481	41%	34/34	100
94 - 95	6081	47%	34/34	100
95 - 96	7224	51%	34/34	100

**Các ngành học ở huyện Bắc Hà gồm có :**

Mầm non ; phổ thông cơ sở ; đào tạo bồi dưỡng và các lớp xoá mù chữ (xem biểu số 4).

Từ năm học 1992 - 1993 đến nay, sau khi huyện có "Đề án phát triển sự nghiệp giáo dục 1993 - 2000", vấn đề xoá điểm trắng số xã không có trường lớp, tăng cường các lớp xoá mù, vận động số lượng học sinh trong độ tuổi đến lớp tăng lên. Riêng năm 1995 huyện Bắc Hà vận động xoá mù chữ đại trà trong 16 xã với tổng số 24 lớp và số học viên huy động là 568 học viên, trong đó 3 lớp tập trung với 70 học viên.

Đến năm 1995 - 1996 số người trong độ tuổi từ 15 - 35 chỉ còn 14.004/20.161 chiếm 69,4% tổng số học sinh đến trường, tăng lên từ 1993 - 1996

Số lượng giáo viên và cán bộ ngành giáo dục huyện Bắc Hà - Lào Cai chưa

đảm bảo tỷ lệ cần có để vừa đào tạo giáo dục thường xuyên vừa tổ chức xoá mù cho đồng bào trong huyện : Bình quân 1 giáo viên/1450 người dân. Số cán bộ tối thiểu còn thiếu 39 người, chưa kể đến số cán bộ hợp đồng còn khá lớn 72 người 554.

Trường, lớp của huyện Bắc Hà, Lào Cai có quy mô nhỏ, cơ sở vật chất nghèo nàn, tạm bợ. Số trường lớp được xây và lớp ngói còn rất ít. Toàn huyện đến 1996 có 20 trường xây/42 trường, phần lớn trường xây là nhất cấp 4.

Có những trường phổ thông cơ sở, lớp học chỉ là những cột tre lợp mái lá, không có vách, không đảm bảo được sức khoẻ cho học sinh đến lớp. Huyện đã tổ chức được 26 trường bán trú với tổng số 925 học sinh nhưng nhiều trường phải ở nhờ nhà Ủy ban hoặc các trường bán trú học sinh ăn ở còn gặp rất nhiều khó khăn, phần lớn là tự túc lương thực và tự nấu ăn (xem biểu 5).



## II. NGUYÊN NHÂN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Trong những năm gần đây, thực hiện Nghị quyết 22/NQ-TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 72/HĐBT của Chính phủ, Bộ Giáo dục Đào tạo đã quan tâm chỉ đạo phát triển giáo dục miền núi, vùng cao, vùng dân tộc ít người, Bộ đã đề ra các chương trình mục tiêu để ưu tiên cho giáo dục miền núi như chương trình 4, 6, 8 và đặc biệt là chương trình 7. Sở giáo dục Lào Cai đã chỉ đạo các phòng Giáo dục lập các đề án phát triển sự nghiệp giáo dục đến năm 2000 và triển khai thực hiện mục tiêu của các chương trình.

Từ những kết quả thực hiện được, với những số liệu điều tra, thống kê năm học 1995 - 1996 để so sánh với năm 1990 - 1991 thì công tác giáo dục Bắc Hà đã có những bước tiến đáng kể. Song nhìn vào thực trạng và nhìn vào thực tế phát triển giáo dục vừa qua ta thấy sự thay đổi quá chậm so với yêu cầu hiện nay để phát triển dân tộc Hmông ở Bắc Hà cần phải có chuyển biến mạnh hơn nữa về công tác giáo dục và nâng cao dân trí. Để làm được điều đó, trước hết cần tìm ra nguyên nhân của tình trạng trên.

### 1. Nguyên nhân của sự phát triển chậm của giáo dục Hmông Bắc Hà, Lào Cai.

Vậy vì sao tỷ lệ học sinh Hmông ở Bắc Hà đi học thấp? Vì sao học sinh càng lên lớp cao càng bỏ học nhiều? Vì sao học sinh nữ đi học rất thấp? Để tìm hiểu những vấn đề này cần đi sâu vấn đề phân tích đặc điểm kinh tế - xã hội tộc người Hmông ở Bắc Hà.

Trước hết là nguyên nhân kinh tế. Kinh tế truyền thống của người Hmông

là kinh tế nương rẫy, lao động cơ bắp là chủ yếu. Kiến thức canh tác là kinh nghiệm theo kiểu "cha truyền con nối". Từ thế hệ này đến thế hệ khác vẫn phát rừng, cày nương, trồng ngô... không thay đổi. Do đó nhu cầu dùng chữ, công cụ để đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, không cấp thiết. Mặt khác, cuộc sống ở các làng Hmông thường mang tính biệt lập. Môi trường sống quen thuộc của người Hmông là nơi cư trú (làng) và nơi làm việc (nương rẫy). Nhu cầu trao đổi thông tin chỉ là thông tin trực tiếp qua kênh truyền miệng của người cùng làng, cùng họ, qua các buổi trò chuyện ở nương rẫy, ở phiên chợ. Do đó, nhu cầu dùng chữ trong văn hoá cũng khó hình thành. Trong khi đó, điều kiện đi học gặp nhiều khó khăn. Gia đình người Hmông là một đơn vị kinh tế có sự phân công lao động theo giới tính và theo lứa tuổi rất chặt chẽ. Kinh tế nương rẫy đòi hỏi có sự tham gia của nhiều người trong gia đình. Nam giới làm công việc nặng nhọc: chặt cây, cày nương... nữ giới làm cỏ, trẻ nhỏ phải cắt cỏ ngựa, trông em, chăn nuôi...

Guồng quay kinh tế trong gia đình Hmông khá chặt chẽ, không thể thiếu một người nào dù cá nhân đó là lao động phụ (cắt cỏ ngựa, trông em). Do đó, trẻ em người Hmông ít có điều kiện đi học. Và nhiều gia đình quan niệm không nhất thiết phải đi học, hoặc có học chỉ cần đọc được chữ, như vậy, số học sinh đã ít, hoặc có học chỉ cần học trong ba lớp đầu (từ lớp 1 đến lớp 3), dẫn đến tình trạng nhiều lớp học từ 4 trở lên tỷ lệ học sinh người Hmông rất ít. Mỗi xã chỉ có dăm bảy em theo học lớp 4, lớp 5, có tới 15 xã không có lớp 5 vì toàn bộ học sinh học xong lớp 4 rồi bỏ học.

Trường tiểu học ở Bắc Hà trở thành tiểu học không hoàn chỉnh, đó là chưa kể các nguyên nhân khác như mỗi xã chỉ có một trường, trường xa các bản nên việc đi học của học sinh nhỏ tuổi còn gặp nhiều khó khăn...

Mặt khác, gia đình người Hmông là gia đình phụ hệ, đề cao nam giới. Trong sản xuất, nam giới làm những công việc nặng nhọc, phân công theo giới tính quá chặt chẽ đến mức người phụ nữ không thể làm các công việc của nam giới và ngược lại. Trong mối quan hệ xã hội, người chồng, người cha là chủ gia đình, đảm nhiệm cả chức năng chỉ đạo sản xuất và "đối ngoại". Nếu vắng mặt nam giới trong gia đình sẽ gặp nhiều khó khăn cả trong việc sản xuất và giao tiếp. Người Hmông quan niệm con trai là trụ cột. Nếu đẻ con gái, nhau thai chôn ở gầm giường với ý niệm con gái là người quản xuyên việc nhà. Với người Hmông ở Bắc Hà, nhiều câu tục ngữ ngợi ca việc sinh con trai, ca thán việc sinh con gái.

- "Để con gái như gáo nước đổ đi rồi không lấy lại được"

- Hoặc :

"Con gái chỉ giúp nhà một thời"

Con trai mới giúp nhà cả đời"

Quan niệm coi trọng con trai dẫn đến tình trạng người Hmông chỉ cho con trai theo học, còn con gái rất hiếm được đi học. Đặc biệt trong tuổi ấu thơ con gái làm nhiều việc phụ hơn con trai, con gái thực sự là lao động không thể thiếu được của gia đình. Do đó con gái đi học rất ít, nhiều lớp không có học sinh nữ, nhiều xã không có phụ nữ học đến lớp năm.

## 2. Một số kiến nghị

\* Tạo cơ sở vật chất để có điều kiện học tập

1- Nhà nước cần đầu tư hơn nữa cho các huyện vùng cao trong đó có Bắc Hà để tăng cường cơ sở hạ tầng.

- Đầu tư mạnh cho xây dựng giao thông đường sá để đi lại dễ dàng.

- Xây dựng các công trình cấp nước sạch, đưa điện về vùng cao, vùng sâu, vùng dân tộc.

2. Đẩy mạnh hơn nữa các chương trình xoá đói giảm nghèo.

- Đầu tư nhiều hơn cho chương trình định canh, định cư.

- Hỗ trợ cho các hộ Hmông để chuyển đổi cơ cấu kinh tế

+ Tăng cường vốn cho việc chuyển hướng cây trồng (Mận tam hoa, các cây dược liệu v.v...)

+ Tổ chức lại sản xuất hàng thủ công để tăng thu nhập.

### \* Đầu tư cho giáo dục :

1- Xây dựng các trường lớp ổn định, xây dựng thêm trường lớp gần bản nơi đông người dân Hmông cư trú, đầu tư trang thiết bị cho lớp học, xây dựng ký túc xá cho trường bán trú và nội trú dân tộc.

2- Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cho vùng cao mạnh hơn và nâng chế độ đãi ngộ cho giáo viên vùng cao.

3- Trang bị đủ các đồ dùng học tập cho con em dân tộc ít người (trong đó có người Hmông Bắc Hà).

4- Cấp học bổng và hỗ trợ về lương thực cho con em dân tộc ít người đi học ở trường bán trú và nội trú.

5- Đào tạo giáo viên dạy tiếng Hmông và đưa vào chương trình chính thức, (có đủ tài liệu học tiếng Hmông).